



***TỔNG HỢP
38 THỜI GIAN, THỜI
HẠN TRONG BẢO HIỂM
XÃ HỘI, AN TOÀN VỆ
SINH LAO ĐỘNG***



TỔNG HỢP 38 THỜI GIAN, THỜI HẠN TRONG LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI, AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG



STT	NỘI DUNG	THỜI GIAN, THỜI HẠN	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	Thời gian hưởng chế độ ốm đau		
	<ul style="list-style-type: none"> - Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng, kể cả hợp đồng lao động được ký kết giữa người sử dụng lao động với người đại diện theo pháp luật của người dưới 15 tuổi theo quy định của pháp luật về lao động; - Người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng; - Cán bộ, công chức, viên chức; - Công nhân quốc phòng, công nhân công an, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu 	Tối đa 01 năm	Điều 26 Luật bảo hiểm xã hội 2012
	Người làm việc trong điều kiện bình thường	<ul style="list-style-type: none"> - 30 ngày nếu đã đóng bảo hiểm xã hội trong 15 năm; - 40 ngày nếu đã đóng từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm; - 60 ngày nếu đã đóng từ đủ 30 năm trở lên; 	



TỔNG HỢP 38 THỜI GIAN, THỜI HẠN TRONG LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI, AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG



STT	NỘI DUNG	THỜI GIAN, THỜI HẠN	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	Thời gian hưởng chế độ ốm đau		
	Người lao động nghỉ việc do mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ Y tế ban hành	- Tối đa 180 ngày tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần; - Hết thời hạn hưởng chế độ ốm đau quy định tại điểm a khoản này mà vẫn tiếp tục điều trị thì được hưởng tiếp chế độ ốm đau với mức thấp hơn nhưng thời gian hưởng tối đa bằng thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội.	Điều 26 Luật bảo hiểm xã hội 2012
	Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật công an nhân dân; người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân;	căn cứ vào thời gian điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền	
2	Thời gian hưởng chế độ khi con ốm đau trong một năm cho mỗi con (Tính theo số này chăm sóc con tối đa)	- 20 ngày làm việc nếu con dưới 03 tuổi; - 15 ngày làm việc nếu con từ đủ 03 tuổi đến dưới 07 tuổi.	Điều 27 Luật bảo hiểm xã hội 2012



TỔNG HỢP 38 THỜI GIAN, THỜI HẠN TRONG LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI, AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG



STT	NỘI DUNG	THỜI GIAN, THỜI HẠN	CĂN CỨ PHÁP LÝ
3	Thời gian hưởng chế độ khi khám thai (tính theo ngày làm việc không kể ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần)	- 05 lần, mỗi lần 01 ngày; - Trường hợp ở xa cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc người mang thai có bệnh lý hoặc thai không bình thường thì được nghỉ 02 ngày cho mỗi lần khám thai	Điều 32 Luật bảo hiểm xã hội 2012
4	Thời gian hưởng chế độ khi sảy thai, nạo, hút thai, thai chết lưu hoặc phá thai bệnh lý (tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần)	- 10 ngày nếu thai dưới 05 tuần tuổi; - 20 ngày nếu thai từ 05 tuần tuổi đến dưới 13 tuần tuổi; - 40 ngày nếu thai từ 13 tuần tuổi đến dưới 25 tuần tuổi; - 50 ngày nếu thai từ 25 tuần tuổi trở lên.	Điều 33 Luật bảo hiểm xã hội 2012
5	Thời gian hưởng chế độ khi nhận nuôi con nuôi	- Người nhận nuôi con dưới 06 tháng tuổi: hưởng chế độ thai sản cho đến khi con đủ 06 tháng tuổi;	Điều 36 Luật bảo hiểm xã hội 2012
6	Thời gian hưởng chế độ khi thực hiện các biện pháp tránh thai	- 07 ngày đối với lao động nữ đặt vòng tránh thai; - 15 ngày đối với người lao động thực hiện biện pháp triệt sản.	Điều 37 Luật bảo hiểm xã hội 2012
7	Trường hợp lao động nữ đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con	Sau khi đã nghỉ hưởng chế độ ít nhất được 04 tháng	Điều 40 Luật bảo hiểm xã hội 2012
8	Cơ quan bảo hiểm xã hội phải ra quyết định giải quyết hưởng; trường hợp quyết định chấm dứt hưởng bảo hiểm xã hội thì phải nêu rõ lý do	thời hạn 30 ngày kể từ ngày tạm dừng hưởng Bảo hiểm xã hội	Điều 64 Luật bảo hiểm xã hội 2012



TỔNG HỢP 38 THỜI GIAN, THỜI HẠN TRONG LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI, AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG



STT	NỘI DUNG	THỜI GIAN, THỜI HẠN	CĂN CỨ PHÁP LÝ
9	Thời gian hưởng chế độ khi sinh con	<p>* Đối với lao động nữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 06 tháng trước và sau khi sinh (trước sinh nghỉ không quá 02 tháng), trường hợp lao động nữ sinh đôi trở lên thì tính từ con thứ hai trở đi, cứ mỗi con, người mẹ được nghỉ thêm 01 tháng. <p>* Đối với lao động nam khi vợ sinh con:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 05 ngày làm việc; - 07 ngày làm việc khi vợ sinh con phải phẫu thuật, sinh con dưới 32 tuần tuổi; - Trường hợp vợ sinh đôi thì được nghỉ 10 ngày làm việc, từ sinh ba trở lên thì cứ thêm mỗi con được nghỉ thêm 03 ngày làm việc; - Trường hợp vợ sinh đôi trở lên mà phải phẫu thuật thì được nghỉ 14 ngày làm việc <p>* Trường hợp sau khi sinh mà con bị chết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con chết dưới 02 tháng tuổi: mẹ được nghỉ việc 04 tháng tính từ ngày sinh con; - Con chết từ 02 tháng tuổi trở lên: mẹ được nghỉ việc 02 tháng tính từ ngày sinh con. <p>* Trường hợp mẹ chết sau khi sinh con:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả cha và mẹ hoặc chỉ có mẹ tham gia bảo hiểm xã hội: cha hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng được hưởng chế độ thai sản đối với thời gian thai sản còn lại của người mẹ; - Mẹ tham gia bảo hiểm xã hội nhưng không đủ điều kiện hưởng chế độ thai sản theo khoản 2, khoản 3 Điều 31: cha hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản cho đến khi con đủ 06 tháng tuổi 	Điều 34 Luật bảo hiểm xã hội 2012



TỔNG HỢP **38** THỜI GIAN, THỜI HẠN TRONG LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI, AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG



STT	NỘI DUNG	THỜI GIAN, THỜI HẠN	CĂN CỨ PHÁP LÝ
10	Thời hạn đề nghị khám giám định mức suy giảm khả năng lao động để hưởng trợ cấp tuất hằng tháng	- 04 tháng kể từ ngày người tham gia bảo hiểm xã hội chết thì thân nhân có nguyện vọng phải nộp đơn đề nghị; - 04 tháng trước hoặc sau thời điểm thân nhân quy định tại điểm a khoản 2 Điều này hết thời hạn hưởng trợ cấp theo quy định thì thân nhân có nguyện vọng phải nộp đơn đề nghị	Điều 67 Luật bảo hiểm xã hội 2012
11	Thời điểm hưởng lương hưu	Từ tháng liền kề sau tháng người tham gia bảo hiểm xã hội đủ điều kiện hưởng lương hưu	Điều 76 Luật bảo hiểm xã hội 2012
12	Tạm dừng đóng quỹ hưu trí và tử tuất trong trường hợp người sử dụng lao động gặp khó khăn phải tạm dừng sản xuất, kinh doanh dẫn đến việc người lao động và người sử dụng lao động không có khả năng đóng bảo hiểm xã hội	Không quá 12 tháng	Điều 88 Luật bảo hiểm xã hội 2012
13	Người sử dụng lao động nộp hồ sơ đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội lần đầu	30 ngày kể từ ngày giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc tuyển dụng	Khoản 1 Điều 99 Luật bảo hiểm xã hội 2012



TỔNG HỢP 38 THỜI GIAN, THỜI HẠN TRONG LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI, AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

FDVN LAW FIRM



STT	NỘI DUNG	THỜI GIAN, THỜI HẠN	CĂN CỨ PHÁP LÝ
14	Cấp sổ bảo hiểm xã hội	<ul style="list-style-type: none">- 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc lần đầu;- 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện lần đầu;- 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp cấp lại sổ bảo hiểm xã hội; trường hợp quá trình xác minh thời gian đóng bảo hiểm xã hội phức tạp thì không quá 45 ngày;- 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp điều chỉnh thông tin tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động thì cơ quan bảo hiểm xã hội phải cấp lại sổ bảo hiểm xã hội.	Khoản 3 Điều 99 Luật bảo hiểm xã hội 2012
15	Người lao động nộp hồ sơ hưởng chế độ ốm đau, thai sản cho người lao động	45 ngày kể từ ngày trở lại làm việc	Khoản 1 Điều 102 Luật bảo hiểm xã hội 2012
16	Nộp hồ sơ giải quyết hưởng chế độ ốm đau, thai sản	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ từ người lao động	Khoản 2 Điều 102 Luật bảo hiểm xã hội 2012



TỔNG HỢP 38 THỜI GIAN, THỜI HẠN TRONG LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI, AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG



STT	NỘI DUNG	THỜI GIAN, THỜI HẠN	CĂN CỨ PHÁP LÝ
17	Cơ quan bảo hiểm xã hội giải quyết hưởng chế độ ốm đau, thai sản	- 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định từ người sử dụng lao động, cơ quan bảo hiểm xã hội phải giải quyết và tổ chức chi trả cho người lao động; - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định từ người lao động thôi việc trước thời điểm sinh con, nhận nuôi con nuôi, cơ quan bảo hiểm xã hội phải giải quyết và tổ chức chi trả cho người lao động.	Khoản 3 Điều 102 Luật bảo hiểm xã hội 2012
18	Lập danh sách người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau đau ốm, thai sản và nộp hồ sơ	10 ngày kể từ ngày người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau ốm đau, thai sản, người sử dụng lao động lập danh sách và nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.	Khoản 1 Điều 103 Luật bảo hiểm xã hội 2012
19	Cơ quan bảo hiểm xã hội giải quyết và tổ chức chi trả cho người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau đau ốm, thai sản	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Khoản 2 Điều 103 Luật bảo hiểm xã hội 2012
20	Người sử dụng nộp hồ sơ hưởng lương hưu đối với người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	30 ngày tính đến thời điểm người lao động được hưởng lương hưu	Khoản 1 Điều 110 Luật bảo hiểm xã hội 2012



TỔNG HỢP 38 THỜI GIAN, THỜI HẠN TRONG LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI, AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG



STT	NỘI DUNG	THỜI GIAN, THỜI HẠN	CĂN CỨ PHÁP LÝ
21	Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện nộp hồ sơ hưởng lương hưu	30 ngày tính đến thời điểm người lao động được hưởng lương hưu	Khoản 2 Điều 110 Luật bảo hiểm xã hội 2012
22	Nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội một lần	30 ngày tính đến thời điểm người lao động đủ điều kiện và có yêu cầu hưởng bảo hiểm xã hội một lần	Khoản 3 Điều 110 Luật bảo hiểm xã hội 2012
23	Cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết và tổ chức chi trả lương hưu cho người lao động	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với người hưởng lương hưu	Khoản 4 Điều 110 Luật bảo hiểm xã hội 2012
24	Cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết và tổ chức chi trả bảo hiểm xã hội một lần cho người lao động	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp hưởng bảo hiểm xã hội một lần	Khoản 4 Điều 110 Luật bảo hiểm xã hội 2012
25	thân nhân của người bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội, người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người đang hưởng lương hưu, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng chết nộp hồ sơ hưởng chế độ tử tuất cho cơ quan bảo hiểm xã hội	90 ngày kể từ ngày người bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội, người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người đang hưởng lương hưu, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng chết	Khoản 1 Điều 112 Luật bảo hiểm xã hội 2012



TỔNG HỢP 38 THỜI GIAN, THỜI HẠN TRONG LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI, AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

FDVN LAW FIRM



STT	NỘI DUNG	THỜI GIAN, THỜI HẠN	CĂN CỨ PHÁP LÝ
26	Nhân thân của người lao động đang đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc bị chết nộp hồ sơ cho người sử dụng lao động	90 ngày kể từ ngày người lao động đang đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc bị chế	Khoản 1 Điều 112 Luật bảo hiểm xã hội 2012
27	Người sử dụng lao động nộp hồ sơ giải quyết chế độ tử tuất cho cơ quan bảo hiểm xã hội	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ từ thân nhân của người lao động	Khoản 2 Điều 112 Luật bảo hiểm xã hội 2012
28	Cơ quan bảo hiểm xã hội giải quyết và tổ chức chi trả cho thân nhân của người lao động.	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Khoản 3 Điều 112 Luật bảo hiểm xã hội 2012
29	Cơ quan bảo hiểm xã hội giải quyết hưởng tiếp lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng đối với người xuất cảnh trái phép trở về nước định cư hợp pháp, người bị Tòa án tuyên bố mất tích trở về	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Khoản 2 Điều 114 Luật bảo hiểm xã hội 2012
30	Cơ quan bảo hiểm xã hội giải quyết việc chuyển nơi hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn của người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội	Điều 115 Luật bảo hiểm xã hội 2012



TỔNG HỢP 38 THỜI GIAN, THỜI HẠN TRONG LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI, AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG



STT	NỘI DUNG	THỜI GIAN, THỜI HẠN	CĂN CỨ PHÁP LÝ
31	Điều tra vụ tai nạn lao động thuộc thẩm quyền của Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở, cấp tỉnh và cấp trung ương	<ul style="list-style-type: none"> - Không quá 04 ngày đối với tai nạn lao động làm bị thương nhẹ người lao động; - Không quá 07 ngày đối với tai nạn lao động làm bị thương nặng một người lao động; - Không quá 20 ngày đối với tai nạn lao động làm bị thương nặng từ hai người lao động trở lên; - Không quá 30 ngày đối với tai nạn lao động chết người; không quá 60 ngày đối với tai nạn lao động cần phải giám định kỹ thuật hoặc giám định pháp y. 	Khoản 6 Điều 35 Luật an toàn vệ sinh lao động 2015
32	Cơ quan điều tra có trách nhiệm cung cấp và chuyển giao cho Đoàn điều tra tai nạn lao động các tài liệu, đồ vật, phương tiện liên quan đến vụ tai nạn lao động.	05 ngày, kể từ khi ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự	Khoản 7 Điều 35 Luật an toàn vệ sinh lao động 2015
33	Bồi thường, trợ cấp đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	05 ngày, kể từ ngày có kết luận của Hội đồng giám định y khoa về mức suy giảm khả năng lao động hoặc kể từ ngày Đoàn điều tra tai nạn lao động công bố biên bản điều tra tai nạn lao động đối với các vụ tai nạn lao động chết người	Khoản 7 Điều 38 Luật an toàn vệ sinh lao động 2015



TỔNG HỢP 38 THỜI GIAN, THỜI HẠN TRONG LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI, AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG



STT	NỘI DUNG	THỜI GIAN, THỜI HẠN	CĂN CỨ PHÁP LÝ
34	Cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết đơn có nguyện vọng hưởng trợ cấp tại nơi cư trú mới	05 ngày, kể từ ngày nhận được đơn	Khoản 4 Điều 49 Luật an toàn vệ sinh lao động 2015
35	Người sử dụng lao động nộp hồ sơ giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội	30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	Khoản 1 Điều 59 Luật an toàn vệ sinh lao động 2015
36	Cơ quan bảo hiểm xã hội giải quyết hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Khoản 2 Điều 59 Luật an toàn vệ sinh lao động 2015
37	Người sử dụng lao động lập danh sách người đã hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà sức khỏe chưa phục hồi và nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội	10 ngày, kể từ ngày người lao động được xác định là sức khỏe chưa phục hồi	Khoản 1 Điều 60 Luật an toàn vệ sinh lao động 2015
38	Người sử dụng lao động có trách nhiệm chi trả tiền trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động	05 ngày, kể từ ngày nhận được tiền do cơ quan bảo hiểm xã hội chuyển đến	Khoản 3 Điều 60 Luật an toàn vệ sinh lao động 2015